

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng

Ông Vũ Văn Thôn

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng. Tại điểm cầu thành phần Phòng xét xử trực tuyến Trại tạm giam Công an thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Tòng Văn T, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2001 tại tỉnh Sơn La; nơi thường trú: Bản N, xã C, tỉnh Sơn La; nơi ở hiện tại: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tòng Văn D và bà Quàng Thị D1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 16 tháng 7 năm 2025 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Lò Văn Q, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1991 tại tỉnh Sơn La; nơi thường trú: Bản Bon, xã C, tỉnh Sơn La; nơi ở hiện tại: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn L và bà Tòng Thị U; có vợ là Lò Thị N và 01 con sinh năm 2012, con; tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 24/2017/HSST ngày 04/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 16 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất

ma túy, chấp hành xong hình phạt và án phí ngày 17/4/2018 (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 16 tháng 7 năm 2025 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Lò Văn H, sinh ngày 25 tháng 4 năm 1990 tại tỉnh Sơn La; nơi thường trú: Bản Bon, xã C, tỉnh Sơn La; nơi ở hiện tại: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn T1 và bà Lò Thị M; có vợ là Cà Thị T2 và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 16 tháng 7 năm 2025 chuyển tạm giam; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Cà Thị T2, sinh năm 1991; nơi thường trú: Bản Bon, xã C, tỉnh Sơn La; có mặt.

Người làm chứng: Anh Lò Văn V; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng hơn 15 giờ ngày 09/7/2025, Công an phường A bắt quả tang tại phòng trọ số 1 của bà Bùi Thị Đ ở tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng, các đối tượng Tòng Văn T, Lò Văn Q và Lò Văn H có dấu hiệu sử dụng trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ tại túi quần trước bên phải của Lò Văn Q 01 túi nilon màu xanh, kích thước (9x6)cm, bên trong có chất bột màu trắng (mẫu QT01); tại túi quần sau và túi quần trước bên phải của Tòng Văn T 01 gói quần nilon màu đen, kích thước (1,5x1)cm và 01 gói quần nilon màu xanh, kích thước (2x1)cm đều chứa chất bột màu trắng (mẫu QT02); trên nệm dưới nền nhà 01 bật lửa gas và 01 mảnh giấy bạc có bám dính tạp chất màu đen (mẫu QT03). Ngoài ra thu giữ của Tòng Văn T 900.000 đồng, 01 xe mô tô 26K5-0012, 02 điện thoại di động (01 SamSung A06, 01 Iphone 6s Plus); thu của Lò Văn H 26.400.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 15 Pro Max, 01 xe mô tô 26C-199.46; thu của Lò Văn Q 01 điện thoại OPPO A9. Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng.

Khám xét khẩn cấp tại phòng trọ trên thu giữ 01 túi màu nâu bằng da kích thước (22x15x4)cm bên trong có: 01 hộp kim loại kích thước (5x4x1,5)cm, trong hộp có 11 gói giấy màu trắng kích thước (1,8x0,7)cm, bên trong đều có chất bột màu trắng (mẫu KX01); 01 túi nilon màu đen kích thước 5x3cm, bên trong chứa 10 viên nén màu hồng (mẫu KX02); 01 cân tiểu ly; 01 dao lam; 02 mảnh giấy màu trắng kích thước 4x3cm; 01 xi lanh đã qua sử dụng tại cửa thông gió nhà vệ sinh. Thu giữ mẫu nước tiểu của Tòng Văn T, Lò Văn Q, Lò Văn H (mẫu NT01, NT02, NT03) để giám định.

Kết luận giám định số 446/KL-KTHS ngày 16/7/2025 của Phòng K1 Công an thành phố H, kết luận: “*Chất bột màu trắng của mẫu QT1 gửi giám định là ma túy,*

có khối lượng 15,08 gam, loại Heroine; chất bột màu trắng của mẫu QT2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,65gam, loại Heroine; tạp chất màu đen bám dính mảnh giấy bạc của mẫu QT03 gửi giám định không tìm thấy chất ma túy và tiền chất; chất bột màu trắng của mẫu KX01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 3,31gam, loại Heroine; 10 viên nén màu hồng của mẫu KX02 gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 1,01gam, loại: Methamphetamine; Các mẫu nước tiểu của Lò Văn Q (NT01); Tòng Văn T (NT02) và Lò Văn H (NT03) gửi giám định đều tìm thấy các chất ma túy, L1:Methamphetamine và Morphine, morphine là sản phẩm chuyển hóa được tìm thấy khi con người sử dụng Heroine, Thuốc phiện hoặc trực tiếp sử dụng Morphin”.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận: Tòng Văn T và Lò Văn Q thuê phòng trọ của bà Bùi Thị Đ ở để tìm kiếm việc làm. Do có nhu cầu sử dụng ma túy và cần tiền tiêu nên ngày 08/7/2025 T và Q bàn với nhau góp tiền mua ma túy H1 về sử dụng và bán lại cho khách kiếm lời, T góp 1.900.000 đồng, Quyền góp 2.100.000 đồng, ngoài ra Lò Văn V, sinh năm 2003, trú tại bản Lùm Thượng B, xã P, tỉnh Sơn La nhờ T và Q mua giúp 2.000.000 đồng Heroine, V trả công 200.000 đồng. Chiều ngày 08/7/2025, Q điều khiển xe mô tô 26K5-0012 chở T đến khu vực đường T, phường L mua ma túy, trên đường đi qua chỗ của V ở Khu Công nghiệp T lấy 2.200.000 đồng. Khi đến nơi, Q đứng đợi, T đi vào mua của 01 người đàn ông 6.000.000 đồng Heroine và nhờ người này chia thành 02 gói (01 gói 2.000.000 đồng của V, 01 gói 4.000.000 đồng của T, Quyền), người này cho T, Quyền 01 túi ma túy đá, quay ra Quyền chở T về qua cổng Khu Công nghiệp A gọi V ra lấy ma túy. Về phòng trọ T bỏ ma túy ra để Quyền chia, T cho lên đĩa cân đóng gói bằng giấy màu trắng rồi quấn nylon màu xanh, đen bên ngoài để bán (03 gói nylon màu xanh, 04 gói nylon màu đen), màu xanh bán 500.000 đồng, màu đen bán 300.000 đồng, 11 gói giấy chưa quấn nylon, chia ma túy xong T cất vào trong hộp sắt để vào túi đeo chéo màu nâu, số ma túy còn thừa chưa chia để trong 01 túi nylon màu xanh. Trong ngày 09/7/2025 T, Quyền mỗi người đã bán được 01 gói ma túy 500.000 đồng cho những người không quen biết.

Chiều ngày 08/7/2025 và sáng ngày 09/7/2025, mỗi lần T bỏ 01 gói ma túy 300.000 đồng ra đổ lên giấy bạc để T sử dụng bằng cách châm lửa hít, Quyền sử dụng bằng cách cho ma túy vào xi lanh tiêm vào cơ thể.

Trưa ngày 09/7/2025, Lò Văn H đến phòng trọ của T, Q để mua ma túy. T bỏ 01 túi nylon ma túy đá được cho ngày 08/7/2025 để cả ba sử dụng bằng cách tự châm lửa hít trên giấy bạc, sử dụng xong Quyền đi ngủ. Sau đó, H bảo T bán chịu cho 01 gói Heroine 300.000 đồng, T đồng ý. Nhận được ma túy, H đưa cho T đồ ra giấy bạc để cả 02 cùng sử dụng bằng cách tự châm lửa hít thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang cùng vật chứng. Trước đó ngày 05/7/2025, T mua của 01 người đàn ông ở đường tàu Trần Nguyên Hãn 1.000.000 đồng Heroine, về chia nhỏ để sử dụng một mình và bán kiếm lời. Trưa ngày 08/7/2025, tại phòng trọ T bán cho H 01 gói Heroine giá 200.000 đồng, H đưa cho T đồ ra giấy bạc để cả 02 cùng sử dụng bằng

cách tự châm lửa hít (Quyền không có ở phòng và không biết lần mua ma túy này của T). Ngoài ra trước ngày bị bắt 01 tuần, T một mình đến khu vực Cầu K mua 15 viên ma túy tổng hợp của một người đàn ông không quen biết hết 750.000 đồng để sử dụng, T đã sử dụng hết 05 viên, số còn lại cất trong túi da để sử dụng dần (Q không biết số ma túy này của T).

Vật chứng: Ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói của các mẫu được niêm phong số 446MT/PC09; 01 mảnh giấy bạc của mẫu QT03 hoàn lại được niêm phong lại trong 01 bì giấy, dấu niêm phong số: 446MT-A/PC09; 02 xe mô tô; 04 điện thoại di động và 27.300.000 đồng, chuyển Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 quản lý.

Tại Cáo trạng số: 99/CT-VKSKV2 ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng đã truy tố Tòng Văn T, Lò Văn Q đồng phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự. Lò Văn H phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Tòng Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Cà Thị T2 khai: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, mang biển kiểm soát 26C-199.46 và số tiền 26.400.000 đồng thu giữ của H là tài sản chung của vợ chồng chị T2 và H, chị T2 không biết H sử dụng tài sản vào mục đích phạm tội nên chị yêu cầu Hội đồng xét xử trả lại các tài sản nói trên cho vợ chồng chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Tòng Văn T từ 09 năm đến 09 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; từ 09 năm đến 09 năm 6 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả 03 tội: Từ 21 năm 06 tháng đến 23 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Lò Văn Q từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; từ 09 năm đến

09 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội: Từ 18 năm đến 19 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Lò Văn H từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 7 năm 2025.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Tòng Văn T, Lò Văn Q có hành vi mua bán trái phép chất ma túy hưởng lợi và đều có tài sản riêng là điện thoại di động nên đề nghị áp dụng khoản 6 Điều 251 xử phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 5 triệu đến 10 triệu đồng.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy Ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói của các mẫu được niêm phong số 446MT/PC09; 01 mảnh giấy bạc của mẫu QT03 hoàn lại được niêm phong lại trong 01 bì giấy, dấu niêm phong số: 446MT-A/PC09. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 mô tô nhãn hiệu Honda mang BKS 26K5-0012 thu giữ của Tòng Văn T và 04 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo là công cụ sử dụng vào mục đích phạm tội nên tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước (như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Cơ quan thi hành án). Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền 900.000 đồng thu giữ của T là thu lợi bất chính do mua bán ma túy mà có. Truy thu của bị cáo Tòng Văn T 500.000 đồng và truy thu của bị cáo Lò Văn Q 300.000 đồng là tiền thu lợi bất chính do mua bán ma túy mà có. Đối với mô tô nhãn hiệu YAMAHA, mang BKS 26C-199.46 và số tiền 26.400.000 đồng thu giữ của Lò Văn H, quan điều tra xác minh đây là tài sản chung của H và vợ là chị Cà Thị T2, H không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho vợ chồng bị cáo (chị T2 nhận thay).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 6, điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp

pháp. Hành vi, quyết định tố tụng của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ và Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đủ căn cứ kết luận:

Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy: Do cần tiền chi tiêu và để có ma túy sử dụng, Tòng Văn T và Lò Văn Q đã thống nhất chung tiền mua ma túy về bán kiếm lời. Ngày 08/7/2025, T và Q đi mua 02 gói ma túy, trên đường về bán cho Lò Văn V 01 gói giá 2.200.000 đồng (hưởng lợi 200.000 đồng). Về phòng trọ tại tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng, T và Q chia gói ma túy thành 18 gói nhỏ để bán. Ngày 09/7/2025 T, Q đã 03 lần bán ma túy: Bán cho Lò Văn H 01 gói với giá 300.000 đồng, 02 gói cho những người không quen biết, mỗi gói 500.000 đồng. Khối lượng 19,04 gam loại Heroine thu giữ tại chỗ ở T và Q cất giữ cũng nhằm mục đích để bán kiếm lời. Ngoài ra ngày 08/7/2025 T bán cho H 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng (là ma túy riêng của T). Hành vi của Tòng Văn T, Lò Văn Q nêu trên đã đồng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Ngày 08 và 09/7/2025 T và Q 02 lần cung cấp ma túy Heroine cho nhau để cùng sử dụng, ngoài ra T và Q cung cấp ma túy đá để cùng nhau sử dụng với Lò Văn H. Riêng T và H đã 02 lần cung cấp ma túy Heroine để cùng nhau sử dụng.

Hành vi của bị cáo Tòng Văn T, Lò Văn Q đã cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Lò Văn H phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy: Tòng Văn T còn cất giữ trái phép 1,01gam Methamphetamine để sử dụng riêng cho bản thân. Hành vi của Tòng Văn T đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân mỗi bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo T và H chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Q có 01 tiền sự nên xác định có nhân thân xấu.

[6] Về vai trò đồng phạm:

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy: Bị cáo T và bị cáo Q cùng nhau bán ma túy 02 lần (01 lần bán cho V với giá 2,2 triệu đồng và 02 lần bán cho người không quen biết với giá 500 nghìn đồng, 01 lần bán cho H với giá 300 nghìn đồng). Ngoài ra, T còn 01 lần bán ma túy cho H (01 lần vào ngày 08/7/2025 với giá 200 nghìn đồng). Vì vậy xác định T có vai trò cao hơn Quyền.

Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Bị cáo T và bị cáo Q cung cấp ma túy Heroine để cùng nhau sử dụng (vào ngày 08/7 và 09/7/2025). Ngoài ra, T, Q cung cấp ma túy đá để cùng với H sử dụng ma túy vào ngày 09/7/2025. Riêng T còn 02 cung cấp ma túy Heroine cho H để cùng nhau sử dụng (01 lần vào ngày 08/7/2025 và 01 lần vào ngày 09/7/2025). Vì vậy xác định T có vai trò cao nhất, sau đó đến Quyền. Hoán có vai trò thấp nhất. Tuy nhiên, xét nhân thân bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo Q có nhân thân xấu nên hình phạt áp dụng đối với 02 bị cáo là ngang nhau. Bị cáo H phải chịu mức hình phạt thấp hơn đối với 02 bị cáo T, Q.

[7] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân mỗi bị cáo, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo riêng bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày các bị cáo bị tạm giữ.

[8] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 6 Điều 251 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Tổng Văn T, Lò Văn Q mỗi bị cáo 5.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với số ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói của các mẫu được niêm phong số 446MT/PC09; 01 mảnh giấy bạc của mẫu QT03 hoàn lại được niêm phong lại trong 01 bì giấy, dấu niêm phong số: 446MT-A/PC09 là vật Nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda mang BKS 26K5-0012 thu giữ của Tổng Văn T và 04 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo là công cụ sử dụng vào mục đích phạm tội cần tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 900.000 đồng thu giữ của T là tiền T và Q thu lợi bất chính do mua bán ma túy mà có cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

T và Q cùng nhau bán ma túy và hưởng lợi 1.500.000 đồng, đã thu của bị cáo T, Q là 900.000 đồng nên cần tiếp tục truy thu của bị cáo Q 300.000 đồng, truy thu của T 300.000 đồng cộng với 200.000 đồng T bán riêng thành 500.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với mô tô nhãn hiệu YAMAHA, mang BKS 26C-199.46 và số tiền 26.400.000 đồng thu giữ của H, quan điều tra xác minh đây là tài sản chung của vợ chồng H và vợ là chị Cà Thị T2, H không sử dụng tài sản vào mục đích phạm tội nên trả lại cho vợ chồng bị cáo (chị T2 nhận thay) là phù hợp với quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Tòng Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo Lò Văn Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo Lò Văn H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm b, i khoản 2, khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Tòng Văn T 09 (chín) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Tòng Văn T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nộp Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Tòng Văn T 09 (chín) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt: T (bốn mươi hai) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả 03 tội đối với Tòng Văn T là 21 (hai mươi một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/7/2025.

- Căn cứ điểm b, i khoản 2, khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Lò Văn Q 09 (chín) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Lò Văn Q 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nộp Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Lò Văn Q 09 (chín) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/7/2025.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Lò Văn H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/7/2025.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy Ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói của các mẫu được niêm phong số 446MT/PC09; 01 mảnh giấy bạc của mẫu QT03 hoàn lại được niêm phong lại trong 01 bì giấy, dấu niêm phong số: 446MT-A/PC09.

- Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước 01 mô tô nhãn hiệu Honda mang biển kiểm soát 26K5-0012 xe đã qua sử dụng.

- Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung đã qua sử dụng; 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (ký hiệu A4 và A2) đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng.

- Trả lại cho vợ chồng bị cáo Lò Văn H và chị Cà Thị T2 01 mô tô nhãn hiệu YAMAHA, mang biển kiểm soát 26C-199.46, xe đã qua sử dụng (chị Cà Thị T2 nhận thay).

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm được mô tả tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Hải Phòng và Phòng CSĐTTP về ma túy – Công an thành phố H).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền 900.000 đồng thu giữ của T là thu lợi bất chính do mua bán ma túy mà có.

- Trả lại Lò Văn H và chị Cà Thị T2 số tiền 26.400.000 đồng (chị Cà Thị T2 nhận thay).

(Các vật chứng nêu trên thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0000762 ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

- Truy thu của bị cáo Tòng Văn T 500.000 đồng, truy thu của Lò Văn Q 300.000 đồng là tiền thu lợi bất chính nộp Ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án; Buộc bị cáo Tòng Văn T, Lò Văn Q và Lò Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 2 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- PC 10 Công an TP Hải Phòng;
- PV27, CAHP;
- Chính quyền cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thắng

Vũ Văn Thôn

Lương Ngọc Anh

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 1 CATP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- PC 10 Công an TP Hải Phòng;
- Chính quyền cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Sở Tư Pháp thành phố Hải Phòng;
- PV27, CAHP;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Anh

Căn cứ vào các tình tiết chứng cứ nêu trên,

KẾT LUẬN

- Nguyễn Văn H2 là chủ quán karaoke Hoàng G đã đồng ý cho Vũ Tiến Đ1 và Lê Văn T3 sử dụng trái phép chất ma túy Ketamine trong phòng hát Vip 4 thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình bị Công an phát hiện bắt giữ cùng vật chứng ngày 06/4/2020.

- Bùi Thị N1, Lê Văn H3, Nguyễn Văn T4 cùng chung ý chí tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng Vip 1 quán K2 để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của nhiều người (H5, T6). Trong đó, N1 là chủ quán cho phép người khác sử dụng ma túy tại nơi thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình; cung cấp chất ma túy (cho H5, Hiệp chất ma túy MDMA để sử dụng; mua ma túy Ketamine của D2 cho cả nhóm sử dụng); bố trí nhân viên phục vụ, sử dụng ma túy cùng H3, H5. H3 là người khởi xướng việc tổ chức sử dụng ma túy tại quán của N1, cung cấp chất ma túy (Ketamine, phát MDMA của N1 đưa cho mọi người), rủ H5 sử dụng ma túy; trực tiếp đảo, xào, kẻ ma túy, mời mọi người trong phòng sử dụng ma túy. T4 là người bỏ tiền cho N1 mua ma túy (Ketamine) mời mọi người sử dụng. H5 và T6 là người được thụ hưởng, sử dụng ma túy không phải trả tiền.

Như vậy có đủ căn cứ để xác định các bị can có lý lịch dưới đây đã phạm tội như sau:

1. Họ và tên bị can: Nguyễn Văn H2, sinh năm: 1986;

Giới tính: Nữ; Nơi sinh: thành phố Hải Phòng;

Nơi cư trú: thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 08/12;

Họ tên bố: Bùi Văn B, sinh năm 1962; Họ tên mẹ: Trần Thị T5, sinh năm 1962; gia đình có 03 chị em, N1 là con lớn; Họ tên chồng là Bùi Quốc V1, sinh năm 1984 (đã ly hôn), có 03 con (sinh năm 2004, 2007, 2012).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam từ ngày 10/4/2020.

2. Họ và tên bị can: Lê Văn H3, sinh năm: 1994;

Giới tính: Nam; Nơi sinh: thành phố Hải Phòng;

Nơi cư trú: thôn F, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12;

Họ tên bố: Lê Văn H4, sinh năm 1955; Họ tên mẹ: Đỗ Thị L2, sinh năm 1966; gia đình có 02 anh em, H3 là con lớn; Họ tên vợ là Hoàng Thị Y, sinh năm 1993, có 02 con (sinh năm 2016, 2018).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam từ ngày 10/4/2020.

3. Họ và tên bị can: Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1982;

Giới tính: Nam; Nơi sinh: thành phố Hải Phòng;

Nơi đăng ký thường trú: thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Nơi cư trú: thôn F, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Họ tên bố: Nguyễn Tiên L3 (sinh năm 1957); Họ tên mẹ: Bùi Thị V2 (sinh năm 1958); gia đình có 03 anh chị em, T4 là con lớn nhất; Họ tên vợ là Đỗ Thị M1, sinh năm 1979, có 02 con (sinh năm 2006, 2008).

Tiền sự: không.

Tiền án: Bản án số 142/2016/HSST ngày 05/09/2016, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xử 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 24 tháng thử thách về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong ngày 05/9/2018. Thi hành xong án phí dân sự 20/4/2017 (đã xóa án).

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam từ ngày 10/4/2020.

Hành vi nêu trên của bị can Nguyễn Văn H2 đã phạm các tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 và điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị can Lê Văn Hiệp Đ2 phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị can Nguyễn Văn T4 đã đồng phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Điều 255 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:...

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b) Đối với 02 người trở lên;

Điều 256 Bộ luật quy định:

“1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:...

d) Đối với 02 người trở lên;”

Các bị can được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s (Người phạm tội thành khẩn khai báo) khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Đối với Nguyễn Tự H5 có hành vi nhờ N1 mua ma túy (thuốc lắc) hộ để sử dụng cùng H3 tại quán của N1, được H3, N1, T4 cho sử dụng ma túy (MDMA, Ketamine). Quá trình điều tra chứng minh, H5 và H3 chỉ bàn bạc, rủ nhau đi hát karaoke có nhân viên nữ phục vụ. Việc H5 nhận tiền H3 đưa (1.500.000 đồng) để chi trả hát và thuê nhân viên. H5 không được H3, N1, T4 bàn bạc việc tổ chức sử dụng ma túy. H5 được N1 cho MDMA, H3 và T4 cho K sử dụng không mất tiền. Hiện, H5 vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách ra, tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với Triệu Thị T6 là nhân viên của quán karaoke, được N1 phân công vào phòng Vip 1 phục vụ H5, H3 hát karaoke. T6 đi cùng H3 về nhà nhưng không biết H6 ma túy để sử dụng tại quán. T6 lau khô đĩa và cuốn tẩu, soi đèn cho Hiệp đảo, xào ma túy và bê đĩa ma túy đi mời mọi người sử dụng theo yêu cầu của H3. Quá trình điều tra chứng minh, T6 không được bàn bạc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Việc T6 thực hiện các hành vi có dấu hiệu giúp sức cho H3 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là theo yêu cầu của H3 để nhận tiền công. Tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi của T6 gây ra không đáng kể. Tài liệu điều tra chưa chứng minh được ý thức chủ quan của T6 đồng phạm với H3 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách ra, tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với hành vi của Vũ Tiến Đ1 và Lê Văn T3 cùng nhau góp tiền mua ma túy, thuê phòng hát để sử dụng ma túy. Kết quả điều tra chứng minh việc Đ1, T3 chỉ tổ chức cho nhau sử dụng ma túy, các nhân viên phục vụ (L4, P, T8) không sử dụng ma túy cùng Đ1, T3 nên hành vi của T3 và Đ1 không cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Nguyễn Tự H5, Triệu Thị T6, Vũ Tiến Đ1 và Lê Văn T7 hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an huyện T đã xử lý hành chính.

Đối với Sầm Thị P và Đặng Thị T8 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trước đó với bạn. Quá trình điều tra xác định, T8 và P không nhớ địa điểm, thời gian sử dụng nên Công an đã tách ra làm rõ xử lý sau.

Đối với hành vi để quán hát hoạt động quá giờ, kinh doanh dịch vụ giải trí không cần thiết trong giai đoạn dịch Covid đang bùng phát của Nguyễn Văn H2 đã bị UBND huyện T xử lý hành chính.

Đối với đối tượng D2 là người đã bán ma túy cho N1, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách ra làm rõ, xử lý sau.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- CCTHADS H. Thủy Nguyên;
- Công an TP. Hải Phòng;
- Công an H. Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp TP. Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân